

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh ranh giới đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu Du lịch Trảng cỏ Bù Lạch xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu Du lịch Trảng cỏ Bù Lạch xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 07/TTr-SXD ngày 05/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh ranh giới đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 khu Du lịch Trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh ranh quy mô diện tích đồ án:

Quy mô diện tích đã phê duyệt tại Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 là: 408,4234 ha, được chia làm 3 khu, trong đó khu A: 336,35ha; khu B: 59,483ha; khu Thác Voi 12,588ha.

Quy mô diện tích đất sau khi khảo sát ranh mốc phù hợp hiện trạng có tổng quy mô quy hoạch là: 432,6759ha, được chia làm 3 khu có diện tích thay đổi như sau, khu A: 347,6264ha; khu B: 72,4499ha; khu Thác Voi 12,6ha (có bản vẽ quy hoạch kèm theo).

2. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất khu A trước và sau khi điều chỉnh:

STT	Tên loại đất	Diện tích cũ (m ²)	Tỷ lệ cũ (%)	Diện tích điều chỉnh (m ²)	Tỷ lệ sau khi điều chỉnh (%)
01	Đất rừng	1.914.420	57	1.940.202	55,8



02	Đất trồng cỏ	1.027.968	30,5	1.027.968	29,6
03	Diện tích mặt nước	203.637	6,05	203.637	5,9
04	Đất giao thông	99.094	2,95	198.889	5,7
05	Đất dịch vụ	27.653	0,8	28.849	0,8
06	Đất nghĩa trang	90.742	2,7	76.719	2,2
	Tổng cộng	3.363.514	100	3.476.264	100

b) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất khu B trước và sau điều chỉnh:

STT	Tên loại đất	Diện tích cũ (m ²)	Tỷ lệ cũ (%)	Diện tích điều chỉnh (m ²)	Tỷ lệ sau khi điều chỉnh (%)
01	Đất trồng cỏ + Du lịch dã ngoại khám phá làng nghề	361.027	60,7	361.027	49,8
02	Đất rừng tự nhiên	193.525	32,5	320.446	44,2
03	Đất giao thông	15.174	2,63	15.174	1,3
04	Đất thương mại dịch vụ	8.771	1,47	9.062	2,1
05	Đất đào hào bảo vệ ranh	16.342	2,7	18.790	2,6
	Tổng cộng	594.839	100	724.499	100

c) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất khu Thác Voi trước và sau điều chỉnh:

STT	Tên loại đất	Diện tích cũ (m ²)	Tỷ lệ cũ (%)	Diện tích điều chỉnh (m ²)	Tỷ lệ sau khi điều chỉnh (%)
01	Đất ở định canh hiện hữu + Du lịch văn hóa bản địa	100.383	97,7	18.699	
02	Đất du lịch thác voi	23.674	18,8	105.533	
03	Đất giao thông	1.824	1,5	1.775	
	Tổng cộng	125.881	100	126.007	

3. Các nội dung khác không thuộc nội dung điều chỉnh nêu trên vẫn thực hiện theo Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/06/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 khu Du lịch Trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao cơ quan tổ chức lập quy hoạch, chủ trì phối hợp với các đơn vị cơ quan liên quan tổ chức thực hiện một số nội dung như sau:

1. Tổ chức công bố điều chỉnh ranh đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 khu Du lịch Trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đồng thời tiến hành cắm mốc ngoài thực địa các khu chức năng trong khu quy hoạch, để các tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan được biết thực hiện.

2. Tiếp tục tiến hành lập và trình phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng trên cơ sở điều chỉnh ranh đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 khu Du lịch Trảng cỏ Bù Lạch, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã được phê duyệt.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, đơn vị tổ chức lập quy hoạch; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu VT.(Trung)

CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Trâm